

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

SÔNG BA: GIAO LỘ CHÍNH TRỊ - KINH TẾ - VĂN HÓA ĐẶC THÙ TRONG LỊCH SỬ

Nguyễn Hữu Thông*

I. Khái luận

Nói đến miền Trung Việt Nam, chúng ta không thể cách ly cộng đồng Việt với những sự kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa..., vốn hiện hữu và hằn lên dấu ấn sâu đậm bởi những lớp người tiền trú. Trên cương vực thường được gọi là vương quốc Champa/nước Chiêm Thành, thống thuộc từ Đèo Ngang đến Nam Bộ trong nhiều thế kỷ, thực ra, chưa từng được vận hành một cách chính danh với tư cách là một bộ máy nhà nước thống nhất từ nam chí bắc, hay, mô hình liên kết các tiểu quốc/lãnh địa/mandala/vùng... một cách hoàn chỉnh bên cạnh Đại Việt.

Chính vì vậy, khi nghiên cứu về cấu trúc xã hội của vương quốc Champa, giới học thuật đã nêu lên và luận bàn không ít những giả thiết không cùng quan điểm:

1. Đó là một vương quốc thống nhất với một biên niên sử liên tục (ngoại trừ một vài thời điểm không chấp nối được, bởi mất hẳn dấu tích và sử liệu), như chủ trương của một số nhà nghiên cứu phương Tây thời thuộc Pháp.⁽¹⁾
2. Vương quốc Champa có cấu trúc phù hợp với mô hình mandala (sự tồn tại đồng thời của các tiểu quốc) phổ biến ở Đông Nam Á cổ đại.⁽²⁾
3. Vương quốc Champa được điều hành theo mô hình liên bang.⁽³⁾

Những luận thuyết nghiêng về dạng cấu trúc tồn tại đồng thời các mandala (tiểu quốc - lãnh địa - “Circle of Kings”), hay mô hình liên bang ở vương quốc Champa cổ, ngày càng có cơ sở thuyết phục và được giới học giả hiện đại thảo luận nhiều hơn.

Nhìn trên toàn cảnh từ bắc đến nam miền Trung, chúng ta có thể hình dung mọi hoạt động mang tính kết nối về mặt kinh tế - văn hóa - xã hội từng hiện hữu trên vùng đất này, đều liên quan đến nhiều tộc người trong lịch sử (Katuic,⁽⁴⁾ Bahnaric,⁽⁵⁾ Việt-Mường,⁽⁶⁾ Malayo Polynesie⁽⁷⁾). Và các cộng đồng ấy vẫn tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay.

Charles Wheeler khi nhận định về những mô thức phổ quát ở một quốc gia duyên hải như Việt Nam, đã nhấn mạnh đến mô hình quần đảo (Archipelago) đặc trưng ở miền Trung. Đó là sự đan xen của những rặng núi chồng chất lên nhau, phân tán và cô lập địa hình thành những “túi đất” cách biệt.⁽⁸⁾ Chính sông và núi ở đây, đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho bất cứ thế lực nào muốn chiếm lĩnh, phòng thủ, cát cứ, trên những dạng “túi duyên hải” ấy.

* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế.

Tiếp thu ảnh hưởng trong bối cảnh chung của các quốc gia cổ đại vùng Nam Ấn và Đông Nam Á; miền Trung Việt Nam trong điều kiện biển núi cận kề, các tiểu quốc nơi đây đã tiếp nhận văn hóa Ấn thông qua con đường hải thương. Từ đây, họ gia nhập vào mạng lưới trao đổi, mua bán..., trên một địa bàn rộng lớn xuyên quốc gia (Lào, Campuchia, Thái, Myanmar...), liên quan đến đời sống nhiều tộc người có nguồn gốc khác nhau. Tính chất, quy mô, đặc điểm của hoạt động này thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử, nhưng, tuyến lưu thông bao giờ cũng vậy. Các cửa sông, cảng biển từ Bắc Trung Bộ cho đến Nam Trung Bộ Việt Nam, vẫn luôn là các cửa ngõ quan trọng và độc quyền ở khu vực này trong các hoạt động giao thương với những quốc gia bên ngoài thời bấy giờ (Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản và các vương quốc ở Đông Nam Á hải đảo...).

Trong điều kiện ấy, ai làm chủ cửa cảng, sẽ là kẻ nắm vận mệnh của vùng đất và lãnh địa liên quan đến nó. Theo chúng tôi, đây là nguyên nhân gây nên sự phân lập cương vực của những tiểu quốc Champa trong nhiều thế kỷ ở vùng đất này.

Mỗi tiểu vương quốc/mandala được thành lập thường dựa trên cấu trúc tư tưởng, tinh thần, hay những yếu tố địa lý mang tính tâm linh như núi thiêng (tượng trưng thần Siva); sông thiêng (tượng trưng nữ thần Ganga, vợ Siva); cửa biển thiêng (cảng thị, nơi giao dịch buôn bán, trung tâm thương mại); thành phố thiêng (nơi cư ngụ của vua, hoàng tộc, trung tâm vương quyền); đất thiêng (nơi thờ tự thần linh và tổ tiên, trung tâm tín ngưỡng).⁽⁹⁾

Do địa hình không thuận lợi cho kinh tế nông nghiệp, các cộng đồng nơi đây lại có cơ hội tiếp xúc sớm với con đường hải thương liên quốc gia từ đội ngũ thương nhân Ấn và các vương quốc ảnh hưởng Ấn ở Đông Nam Á, thế nên, vai trò các cảng thị ở miền Trung thời bấy giờ trở thành quan trọng và quyết định sự hiện hữu, vị thế và sức sống của các tiểu quốc.⁽¹⁰⁾ Vì vậy, hệ thống sông ngòi ở đây là thủy lộ huyết mạch, kết nối thị trường sản vật phong phú (hương liệu, dược liệu, gia vị)... và cả nô lệ từ miền núi và cao nguyên phía tây, tham gia vào hoạt động hàng hải liên quốc gia thông qua các cửa cảng.⁽¹¹⁾ Chính hoạt động này làm nên sức mạnh mọi mặt cho các tiểu quốc thống lĩnh địa bàn nơi chúng đi qua. Những dòng chảy lớn, nhỏ, đổ từ tây sang đông đảm đương chức năng thương lộ, vô hình trung, đã trở thành chiếc cầu nối kết trong hoạt động giao lưu về mặt ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng... giữa cư dân miền xuôi và miền ngược; giữa đội ngũ thương nhân, thương lái ven biển với cư dân nông nghiệp phía núi.

Bên cạnh hệ sông Thu Bồn với cảng thị Hội An ở phía bắc, Sông Ba đối với địa bàn Nam Trung Bộ đã từng đóng một vai trò quan trọng và điển hình, để qua đó, chúng ta có thể lần tìm, và nhận diện nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử - kinh tế - văn hóa vùng đất miền Trung Việt Nam.

II. Sông Ba - Từ ranh giới vùng đến khu đệm trong bối cảnh của mối quan hệ giữa các tiểu quốc lân cận

Có chiều dài 374km, Sông Ba bắt nguồn từ phía tây bắc tỉnh Kon Tum, ở độ cao 1.540m trên dãy Ngọc Rô. Đây là một con sông trước khi đổ về xuôi đã có sự góp mặt của một hệ thống những phụ lưu, vắt qua nhiều vùng, nhiều tỉnh

ở Tây Nguyên. Theo hướng bắc-nam, dòng sông trải mình qua các huyện Kon Plông của tỉnh Kon Tum rồi đến K'Bang, Dak Pơ, An Khê, Kông Chro, Ia Pa, Ayun Pa thuộc tỉnh Gia Lai. Từ đó, Sông Ba chuyển sang hướng tây bắc-đông nam, qua huyện Krông Pa (Gia Lai), rồi vào địa phận tỉnh Phú Yên theo hướng tây-đông, làm thành ranh giới tự nhiên giữa Sơn Hòa và Sông Hinh, giữa Sơn Hòa và Tây Hòa, giữa Tây Hòa và thành phố Tuy Hòa, rồi đổ ra Biển Đông ở cửa biển Đà Diên - phía nam thành phố Tuy Hòa.

Chính vì sự trải rộng làm nên một lưu vực bao gồm cả Gia Lai, Kon Tum và phần phía đông bắc của Đắk Lắk, cho nên, trước khi mang tên chính thức là Sông Ba/Đà Rằng, các phụ lưu quan trọng nối kết là Ayun, Krông H'Năng, Sông Hinh... đã làm nên một hệ tuyến thủy lộ, nối kết nhiều vùng, xuyên qua địa bàn cư trú của nhiều tộc người - là con đường làm nên các mối giao lưu trên nhiều mặt.

Vai trò của thủy lộ ở địa hình miền Trung Việt Nam, có thể không phải là một lộ trình thuận lợi cho thuyền, bè, thông suốt từ tây sang đông. Thường thì các dòng chảy ở vùng thượng lưu phải trải qua những thác ghềnh hiểm trở. Nhưng, tựu trung, đó vẫn là lối dẫn tự nhiên, để con người nương theo hai bên bờ sông, tạo nên lối mòn trên bộ, sắp đặt những trạm trung chuyển trong các thương vụ trao đổi hàng hóa.

G. Hickey đã từng xem An Khê là một vị trí thương mại quan trọng, mở ra mối quan hệ của vùng này với người Ba Na, Gia Rai, Ê Đê. Tác giả cho rằng, Sông Ba rất có thể là con đường xâm nhập vào miền núi (thông lộ đông-tây - NHT); đèo An Khê còn được gọi là “Đèo Mang” mà theo cách gọi của người Ba Na, ngữ nghĩa của địa danh này là “ngang qua cửa”.⁽¹²⁾ Như vậy, cửa ngõ nối liền duyên hải Nam Trung Bộ với miền núi như cách nhận định của Hickey, đã có mối liên kết quan trọng với nhánh Krông Pa chảy qua nơi này. Nói một cách khác, Sông Ba ngoài vai trò là thủy lộ, còn là nơi đón nhận một địa lộ quan trọng của vùng Tây Nguyên là An Khê trong nhiều mối quan hệ: *“An Khê có dạng một hình chữ nhật dài, theo hướng bắc-nam, một bề 50km, bề kia 34km; Sông Ba chảy xuyên suốt chiều dài của nó... phía nam, cao nguyên An Khê hạ dần xuống thung lũng trung lưu Sông Ba và hòa lẫn với đồng bằng”*.⁽¹³⁾

Có thể thấy sự thuận lợi mang tính của ngõ của Sông Ba nối kết miền Trung với Tây Nguyên khi: *“Đi từ thung lũng trung lưu Sông Ba, từ đây theo hướng bắc đi vào cao nguyên An Khê và theo hướng tây bắc đi vào cao nguyên Jarai, trong khi theo các thung lũng Sông Hinh [Hinh] và Sông Năng [Krông H'Năng], hai nhánh bên hữu ngạn Sông Ba thì có thể đi vào cao nguyên Darlac”*.⁽¹⁴⁾

Nhìn trên bản đồ phân bố ngôn ngữ dân tộc và địa bàn cư trú tộc người hiện nay, chúng ta thấy Sông Ba và các phụ lưu của nó đã chảy xuyên qua nhiều vùng, làm nên một giao lộ thông thương với nhiều tộc người quan trọng và có vai trò rất lớn trong những hoạt động giao thương từ thời cổ đại. Trên thực tế, đầu nguồn Sông Ba và ngay cả trung lưu của dòng sông này, chính là địa bàn cư trú lâu đời của người Gia Rai và Ê Đê - những tộc người có mối quan hệ rất gần với người Chăm về mặt ngôn ngữ cũng như lịch sử. H. Maitre đã từng nhận xét trong tác phẩm *Les Jungles Moi* rằng: *“Chắc chắn người Jarai luôn có xích mích với người Chăm mà hẳn họ đã phải nhượng bộ, không phải là không có*

chiến đấu ở vùng đất ven biển là nơi họ vốn canh tác từ xa xưa có thể nay là Phú Yên".⁽¹⁵⁾ G. Maspéro trong công trình *Le Royaume de Champa* cũng từng có nhận định tương tự: "Trước khi chịu thất bại và rút sâu vào nội địa tới các cao nguyên họ đang ở hiện nay, rất có thể họ (người Jarai) là những người được người Chăm gọi là Mada trong văn khắc".⁽¹⁶⁾ Hay "Một bộ lạc khác cùng tộc với người Jarai và hiện nay được biết dưới tên gọi Rade [người Ê Đê] cũng rất mạnh và rất hiếu chiến; có thể [họ] cũng đã thành lập được một hoặc nhiều tiểu quốc, thậm chí có thể có lúc thống nhất với người Jarai. Người Rade được người Chăm gọi là Randaiy... và [họ] cũng đã từng tiến hành nhiều cuộc chiến đấu chống lại những người anh em cũ của mình nay đã trở thành kẻ xâm lược trước khi rời bỏ vùng ven biển lên tỵ nạn trên vùng núi và cao nguyên Darlac".⁽¹⁷⁾

Trên lĩnh vực nhân học văn hóa, địa bàn thượng nguồn Sông Ba chính là nơi còn bảo lưu nhiều dấu ấn cổ xưa của những tộc người Nam Đảo,⁽¹⁸⁾ không chỉ có quy mô về dân số, cấu trúc xã hội và địa bàn cư trú áp đảo so với các tộc người cận cư, họ còn là chủ nhân và hình thành một thế lực hùng mạnh ở phía tây⁽¹⁹⁾ - cửa ngõ nối kết với cửa biển quan trọng ở Nam Trung Bộ qua dòng Sông Ba.

III. Dấu ấn và hiện tượng lưỡng phân trong lịch sử-văn hóa Champa từ bản lề Sông Ba

1. Lưỡng phân cương vực

Căn cứ trên lập luận được nhiều học giả thừa nhận hiện nay, vùng đất mà sử liệu gọi là vương quốc Champa trong lịch sử, luôn diễn ra một chuỗi những xáo trộn, phân ly, thống trị, ảnh hưởng, chuyển dịch... giữa các trung tâm và thế lực vương quyền. Những biến cố ấy thường xuyên xuất hiện vào nhiều thời điểm khác nhau qua hàng chục thế kỷ.

Mở ra chiến tranh xâm lược hoặc bị thế lực khác xâm lược thống trị; Sự phát triển đột biến của một tiểu vùng, rồi trùn ảnh hưởng của mình lên những vùng khác; Sự yếu đi và bị thôn tính của một lãnh địa vốn rất hùng mạnh trước đó; Sự đổi dời những khu trung tâm vùng bởi nhiều lý do. Đó là tất cả những gì đã làm cho mạch bi ký của chính người Chăm cũng như những sử liệu của Trung Quốc thời cổ đại, thường mô tả về vùng đất này có những khoảng đứt đoạn, mù mờ, khó giải thích...⁽²⁰⁾ Cũng vì thế, không một luận cứ nào trở thành kết luận về chân dung một vương quốc có chung biên giới phía nam với Đại Việt trong suốt nhiều thế kỷ.

Vùng đất chúng ta thường gọi là Champa, thực ra, trong các tư liệu cổ đã từng tồn tại 3 tên gọi theo tuyến lịch đại đó là: *Lâm Ấp*, *Hoàn Vương*, *Chiêm Thành*. Riêng trong bi ký Chăm, thì mãi đến đầu thế kỷ VII trong văn khắc của bia Sambhuvarman mới bắt đầu xuất hiện từ *Champa* với nội dung ca ngợi vua Vikrantavarman là đại vương, lãnh chúa tối cao của đô thị Champa (không phải là vương quốc Champa - NHT), mặc dù, họ vốn đã có mặt từ thế kỷ II sau Công nguyên.

Ngô Văn Doanh trong công trình viết về *Văn hóa cổ Champa* nhận định rằng: không phải ngẫu nhiên mà vị vua được coi là có uy quyền lớn nhất của Champa vào thế kỷ VII là Vikrantavarman, chỉ dám xưng là đại vương hay

lãnh chúa tối cao của đô thị Champa (Campapura). Theo tác giả thì: “*Trong giai đoạn đầu tiên này của lịch sử Champa, các tiểu vương quốc phía bắc đặc biệt là Lâm Ấp giữ vai trò chủ đạo. Vì thế có thể gọi giai đoạn đầu của lịch sử Champa là lịch sử của nhà nước Lâm Ấp*”.⁽²¹⁾

Từ sau năm 749, khi Rudravarman cử sứ bộ sang triều cống phương Bắc, thì tên Lâm Ấp không còn xuất hiện trong sử sách Trung Quốc nữa. Như vậy, cho đến thế kỷ thứ VII, nếu căn cứ vào bi ký Chăm nói về Vikrantavarman như vừa nêu, thì khu vực được gọi là Champa, chỉ có thể được xác định nằm ở phía Bắc Chăm. Tất nhiên, không loại trừ khả năng liên kết các lãnh địa, tiểu quốc trong vùng này, kể cả Lâm Ấp trước đó, để hình thành một nước lớn hơn, nằm dọc đồng bằng ven biển miền Trung. Chúng không quá xa nơi Vikrantavarman được tôn vinh là đại vương hay lãnh chúa tối cao của vùng Campapura (Amaravati, Indrapura và Vijaya sau này), mà trên địa lý hành chính hiện nay là từ Quảng Bình đến Bình Định.

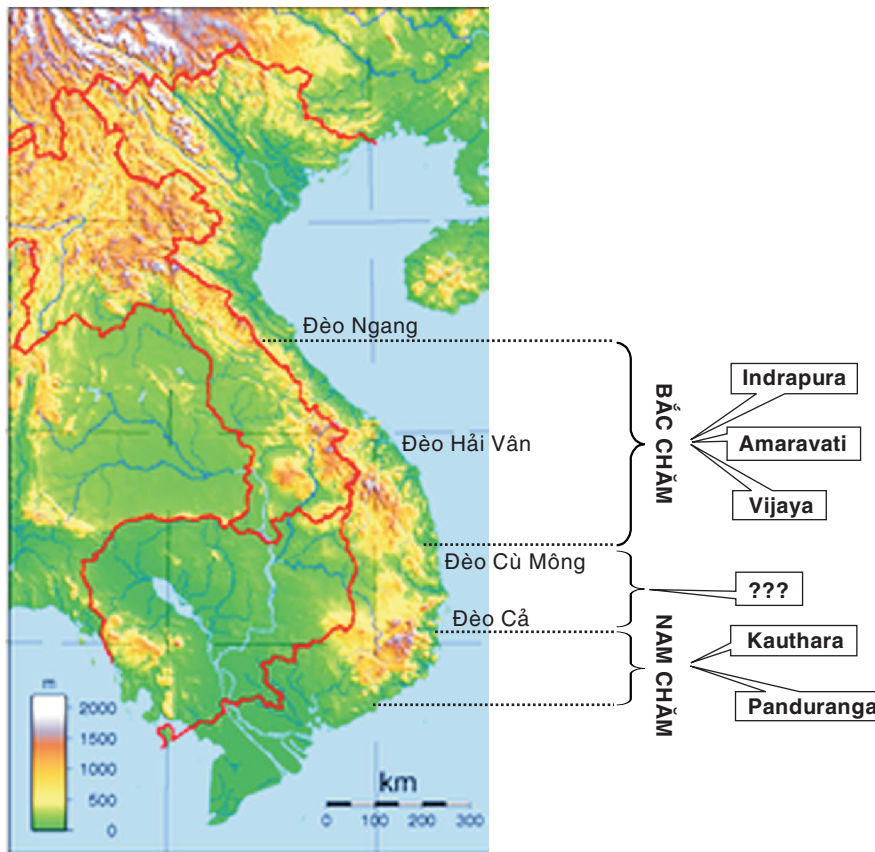
Theo *Tân Đường thư*, thì sau niên hiệu Chí Đức (năm 756-758), Lâm Ấp không còn được nhắc đến, mà vùng đất này mang một tên mới là Hoàn Vương. Chúng ta lưu ý rằng, sự xuất hiện tên hiệu mới này, tương ứng với thời kỳ các vùng phía nam của Vijaya được xưng danh. Bởi hơn một thế kỷ của lịch sử Champa sau đó, thiếu vắng hẳn các bi ký ở phía Bắc Chăm, nhưng lại xuất hiện đậm đặc ở phía Nam Chăm (chủ yếu là ở Kauthara và Panduranga). G. Maspéro đã gắn triều đại mới này là *thời kỳ Hoàn Vương* và thời kỳ bá quyền của vùng vương quốc phía nam ở Panduranga (758-859).⁽²²⁾

Từ năm 875, bi ký của Champa lại xuất hiện trở lại ở Bắc Chăm (Đồng Dương-Quảng Nam) và *Tân Đường thư* lại nhắc đến vùng đất này với tên mới là *Chiêm Thành*.

Trong giai đoạn người Trung Quốc nói về nước Chiêm Thành, chúng ta thấy có sự dịch chuyển trung tâm từ Indrapura đến Vijaya (988-1177), cả hai đều nằm trong vùng Bắc Chăm. Đây cũng là giai đoạn nổi lên sự kiện vua Jaya Paramesvaravarman ở Vijaya, Bắc Chăm, phải đương đầu với người Chiêm, Nam Chăm (Panduranga). Chính quyền ở Panduranga “*luôn luôn nổi dậy, chống lại nhà vua [ở Vijaya] và không thừa nhận phía Bắc*”.⁽²³⁾

Trung tâm Vijaya sau cuộc tấn công của Lý Thánh Tông (năm 1069), hầu hết sử liệu không còn những thông tin gì rõ ràng về nội tình Chiêm Thành nữa. Tuy nhiên, theo L. Finot căn cứ trên bi ký Mỹ Sơn, thì sau sự kiện này, hiện tượng phân lập các tiểu quốc của Chiêm Thành càng sâu sắc hơn rất nhiều.⁽²⁴⁾

Với những dẫn chứng vừa nêu, chúng tôi muốn nói rằng: Đã tồn tại trong lịch sử Champa một sự phân cực bắc-nam khá rõ nét. Tính chất lưỡng phân/lưỡng cực ở đây vốn từng tồn tại trên thực tế và diễn ra trong nhiều thời kỳ. Xét từ quan điểm cấu trúc xã hội Champa như nhiều giả thiết đã bàn đến, thì “*Vương quốc Champa thực chất là sự liên kết giữa các công quốc nhỏ lại với nhau và công quốc nào mạnh thì sẽ nắm vị trí bá quyền*...”.⁽²⁵⁾ Renee Hagesteign gọi là sự kết hợp, phân ly, liên kết giữa các “*Circles of Kings*”.⁽²⁶⁾ Hay như J. C. Heesterman quan niệm, đó là cấu trúc liên quan đến sự liên minh, liên kết, cạnh tranh, giữa các thế lực chính trị với sự giúp đỡ hậu thuẫn của các lực lượng tôn giáo.



Sơ đồ 1. Lưỡng phân cường vực Nam Chăm - Bắc Chăm

các nhà nghiên cứu thường nhắc đến khi nói về vương quốc này.

2. Lưỡng phân thị tộc

Trong nhiều sử liệu cũng như truyền thuyết dân gian lẫn bi ký, có một thông tin được lập lại mang tính xác quyết nhiều lần, đó là tộc người Chăm phân lập thành 2 thị tộc (có tài liệu dùng là bộ lạc hay bộ tộc):

“Người Chăm chỉ có ở miền Trung Việt Nam và nguồn gốc của người Chăm xuất phát từ bộ lạc Kramuka Vams’a (theo bi ký chữ Phạn) còn gọi là bộ tộc Cau và bộ lạc Narikela Vams’a (theo bi ký chữ Phạn) còn gọi là bộ tộc Dừa. Hai bộ lạc này cư trú từ Quảng Nam đến Thuận Hải ngày nay và xuất hiện vào thời kỳ văn hóa Sa Huỳnh. Vào đầu Công nguyên, bộ lạc Narikela Vams’a (bộ lạc Dừa) chịu ảnh hưởng sâu sắc Bà La Môn giáo và lập ra vương quốc Champa - kinh đô đầu tiên của Champa là Simhapura (đền đài, thành quách còn được lưu tồn tại làng Trà Kiệu, thuộc huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam ngày nay). Từ giai đoạn này đến giai đoạn tiếp theo là sự xuất hiện của vương triều Panduranga (xuất hiện vào thế kỷ XIII và IX sau Công nguyên với 6 đời vua liên...)”.⁽²⁸⁾

Một tài liệu khác nêu:

“Trong xã hội Chăm trước đây,⁽²⁹⁾ chúng ta thấy có hai thị tộc Cau (Pinăng) và thị tộc Dừa (Li-U) hay khởi thủy có lẽ Chiêm Thành gồm nhiều tiểu quốc bán độc lập và phong kiến. Hai bộ lạc được ghi nhận có uy thế hơn cả là

Để từ đó, vị lãnh tụ sẽ thiết lập khu trung tâm với một thực thể chính trị, và xung quanh ông ta là một hệ thống các thiết chế tương ứng.”⁽²⁷⁾

Chính sự xuyên suốt của hiện tượng lưỡng phân trong vùng đất được gọi với nhiều cái tên khác nhau: Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành, Champa, chúng ta thấy rõ dần khái niệm Bắc Chăm và Nam Chăm. Một thực thể mà

“thị tộc Cau” và “thị tộc Dừa”. Dân Chăm hưng khởi được, là nhờ sự đồng nhất về tập tục và đã có trên danh nghĩa hơn là thực tế một ông vua thống lĩnh”.⁽³⁰⁾

G. Coedes đã cho chúng ta biết được chứng tích của hai thị tộc Cau (Kramuka Vams’a) và thị tộc Dừa (Narikela Vams’a) xuất hiện trong bi ký của Harivarman IV ở Mỹ Sơn (bia Mỹ Sơn XII).⁽³¹⁾

Trong cuộc thảo luận với G. Maspéro, J. Boisselier cũng đã đề cập đến hai thị tộc này. J. Boisselier không đồng ý gắn Hoàn Vương với Panduranga hay thị tộc Cau.⁽³²⁾

L. Finot trong một tài liệu của mình cũng có nhắc đến một hoàng thân tên là Thau với sự giúp đỡ của người em là hoàng thân Pau, đã mang lại cho Champa sự phục hồi. Hoàng thân Thau tự hào là cha ông thuộc tộc Dừa (Narikela Vams’a) và mẹ ông thuộc họ Cau⁽³³⁾ (Kramuka Vams’a) đã lên ngôi với danh hiệu là Harivarman IV.

Sự tồn tại của hai thị tộc Cau và Dừa, không chỉ có trong truyền thuyết, mà là một thực tế hiện hữu ở những nguồn tài liệu đáng tin cậy nhất là bi ký của người Chăm. Vấn đề ở đây là không gian sinh tồn của hai thị tộc ấy trong lịch sử? Và tại sao dấu ấn thị tộc lại được nhắc đến một cách đậm nét trong những hoạt động vượt khỏi phạm vi dòng họ huyết thống, và liên hệ không nhỏ đến những sự kiện chính trị lịch sử của cả triều đại?

3. Luỡng phân dòng dõi

Ngày nay trong việc thờ cúng tổ tiên, người Chăm cũng có hai dòng tổ tiên. Tổ tiên dòng Núi (Atâu Chok) và tổ tiên dòng Biển (Atâu Taxí).

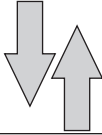
Nghi thức thờ cúng tổ tiên thuộc dòng Biển tiến hành cầu kỳ và phiền toái hơn việc thờ cúng tổ tiên thuộc dòng Núi. Đây có phải là sự biến dạng của hai thị tộc Cau và Dừa?

Phải chăng tổ tiên dòng Núi trước đây thuộc thị tộc Cau và tổ tiên dòng Biển thuộc thị tộc Dừa mà thị tộc Cau thuộc tầng lớp bình dân (Bal la oa hoa hawai [Dân cây kéo roi]) còn thị tộc Dừa thuộc tầng lớp hoàng phái quý tộc (Kha patao bmao muh [gốc vua mũ vàng])?⁽³⁴⁾

“Ngày nay, những vị chức sắc Bà La Môn, những người “Chăm Rắt” (Chàm gốc) và những người thuộc dòng hoàng tộc đều kiêng uống nước dừa và ăn dừa. Điều này có thể liên hệ đến sự kiêng cử mang tính chất “tô tem” của người Chăm Rắt, người hoàng tộc và dòng họ Pinăng còn thấy phổ biến ở người Rang Klai (Răc Klay), một nhóm Chăm núi. Phải chăng những người Rang Klai [Ra Glai- NHT] mang họ Pinăng là di duệ của thị tộc Cau xa xưa”.⁽³⁵⁾

Truyền thuyết liên quan đến tầng lớp bình dân về cây cau và tầng lớp hoàng tộc cây dừa đều có chung một mẫu hình. Điều này phải chăng đã phản ánh sự trấn trị đối với các tiểu quốc/lãnh địa trong lịch sử Chăm, không chỉ nằm trong tay tầng lớp hoàng tộc Chăm Rắt, mà vẫn có những tiểu quốc, người lãnh đạo thuộc tầng lớp xuất thân thuộc nhóm núi - bình dân.

Những suy luận vừa nêu khiến chúng tôi liên tưởng đến một dạng logic gắn kết những hiện tượng phân cực trên lãnh địa được gọi là vương quốc Champa, mà ở đó, mỗi cực đều có mối liên hệ trùng khớp có thể tìm gặp trên nhiều dạng tư liệu.

Tên thị tộc/ bộ lạc/bộ tộc	Thuộc dòng tộc	Đẳng cấp xã hội	Không gian trực thuộc	Cương vực
Thị tộc Dừa [Narikela Vams'a] [LI-U]	Dòng Biển [Atâu Taxi] [Chăm biển]	Quý tộc [Chăm Rắt] [Kha patao bmao mưh] (Gốc vua mũ vàng)	Amaravati Indrapura Vijaya	Bắc Chăm
				
Thị tộc Cau [Kramuka Vams'a] [PINANG]	Dòng Núi [Atâu Chok] [Chăm núi]	Bình dân [Bal la oa hoa hawaii] (Dân cây kéo roi)	Kauthara Panduranga	Nam Chăm

Sơ đồ 2. Luồng phân thị tộc và dòng dõi

IV. Sông Ba - Hoa Anh, dấu hỏi từ những khoảng trống trong lịch sử

Khoảng trống ở sơ đồ 1 chính là không gian được định vị từ đèo Cù Mông đến Đèo Cả nằm trong địa phận Phú Yên bây giờ. Đó cũng chính là khoảng trống về nhiều mặt, nhiều giai đoạn, trong sử liệu lần bị ký Chăm, trải dài gần cả thiên niên kỷ (thế kỷ VI đến thế kỷ XIV).

Nhìn từ góc độ khảo cổ học, di tích trong khu vực Núi Bà (nay thuộc thôn Mỹ Thạnh Đông, xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên) ở vùng trống trên sơ đồ, đã từng tồn tại và trải qua một thời gian khá dài. Mặc dù, khu đền tháp Ấn Độ giáo ở Núi Bà được xác định vào khoảng từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV: “*Không chỉ các tác phẩm nghệ thuật mà tài liệu bia ký cũng cho chúng ta niên đại tương ứng (năm 1333 saka tức năm 1411 sau Công nguyên)*”.⁽³⁶⁾

Tuy nhiên, theo H. Parmentier những hiện vật được tìm thấy ở Núi Bà còn có những chứng cứ xa xưa hơn di tích Núi Bà, chẳng hạn như phiến đất nung có hình Phật ngồi và chữ phía sau. Theo tác giả có một câu liên quan đến Phật giáo “Ya Dharma và bốn dòng chữ thuộc thế kỷ 6 Saka (thế kỷ VI-VII Công nguyên)”.

Tác giả J. Boisselier đã xếp bức phù điêu đất nung ở Phước Tịnh này vào nhóm những bức tượng Phật giáo Champa thuộc thời kỳ trước thế kỷ VII.⁽³⁷⁾

Trong lúc những hiện vật được phát hiện ở Núi Bà trải dài nhiều thế kỷ như đã nêu, thì một di tích quan trọng khác là Thành Hồ (xã An Nghiệp, thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên) lại được phần lớn các nhà khảo cổ cho rằng chúng được xây dựng khoảng thế kỷ XIII-XV và được sử dụng liên tục cho đến cuối thế kỷ XVI.

Như vậy, chính nơi đây đã từng là địa điểm nằm trong vùng ảnh hưởng của Bắc Chăm hoặc của Nam Chăm; một khu đệm giữa hai lãnh địa này. Và phải chăng, sau đó thuộc nước Hoa Anh trong hơn một thế kỷ?

Ở đây, chúng ta cũng cần chú ý hệ di tích Champa nằm sâu về phía tây, dọc Sông Ba lên đến các chi lưu ở vùng thượng nguồn như tháp Yang Prong, được xây dựng nên bởi Jaya Simhavarman III. H. Maitre khi phát hiện những tường thành ở Yang Prong, đã cho rằng, thành được người Chăm xây lên như

một biện pháp bảo vệ tháp khi chưa bị cuộc chiến tranh với vua Lửa và vua Nước.⁽³⁸⁾ H. Parmentier xem di tích này được xây dựng từ đầu thế kỷ XIV theo phong cách Pyramidal Art (nghệ thuật kim tự tháp), dạng tháp thuộc giai đoạn thứ hai trong tiến trình mỹ thuật Chăm.⁽³⁹⁾ Trong lúc đó, tháp Yang Mum ở Cheo Reo (Gia Lai) cạnh sông Ayun (một chi lưu của Sông Ba) được J. Boisselier đánh giá cao về mặt nghệ thuật và gọi đó là phong cách Yang Mum, chịu khá nhiều ảnh hưởng nghệ thuật Khmer.⁽⁴⁰⁾ Ngoài ra, còn có rất nhiều những di tích khác nằm dọc các chi lưu thuộc thượng nguồn Sông Ba như Kodo Ruin (phế tích vùng Kodo ở nam Kon Tum).⁽⁴¹⁾ Tháp Bmong Yang, Rong Yang (Kon Tum),⁽⁴²⁾ di tích ở làng Phương Hoa (Kon Tum) cạnh sông Bla.⁽⁴³⁾ Di tích Pxat Yang Glon (lăng mộ tượng thân vĩ đại) ở đèo Chư Sê (Kon Tum),⁽⁴⁴⁾ di tích Tieu nang Bia (giường của Ia Bia).⁽⁴⁵⁾

Đặc biệt trong công trình “Những nghiên cứu ở vùng Champa” J. Dournes cho biết: *“Tháp Yang Mum ở thượng nguồn Sông Ba trên địa phận Gia Lai-Kon Tum, người Jarai gọi tháp này theo ngôn ngữ của mình là Ya H’mum xuất phát từ Rcom H’mum, tên bà tổ của bộ lạc Rcom của người Jarai”*.⁽⁴⁶⁾

Như vậy, nhiều di tích văn hóa Chăm nằm khá sâu về phía tây, rải rác khắp Tây Nguyên và đặc biệt xuất hiện ở những phụ lưu đầu nguồn hay hai bên bờ Sông Ba cho đến vùng hạ lưu. Điều này chứng tỏ trong lãnh địa của người Gia Rai, Ê Đê, đã tồn tại dấu vết Chăm. Và, người Chăm cũng đã từng có những sự đụng độ với người Gia Rai, Ê Đê trong vùng.

Lý giải vấn đề trên, chúng ta có thể loại suy từ hai sự kiện: Hoặc vùng đất này đã từng có thời kỳ người Chăm thống trị; hoặc trên con đường giao thương qua nơi này, thương nhân Chăm với những món lợi kếp xù, đã xây dựng những đền tháp để tạ ơn thần linh.

Điều chúng ta có thể khẳng định được là con đường giao thương huyết mạch ở thượng nguồn Sông Ba, cửa ngõ quan trọng nối cảng biển Đà Diễn với khu vực Tây Nguyên, luôn phải đi qua lãnh địa của người Gia Rai, Ê Đê, Ba Na..., nơi có những tổ chức xã hội dựa trên thần quyền và đủ thực lực như Thủy Xá, Hỏa Xá. Rõ ràng, đây là một lực lượng quan trọng, quyết định sự thuận lợi hay khó khăn trên con đường giao thương, liên quan đến nhiều thế lực chi phối nằm sâu về phía tây.

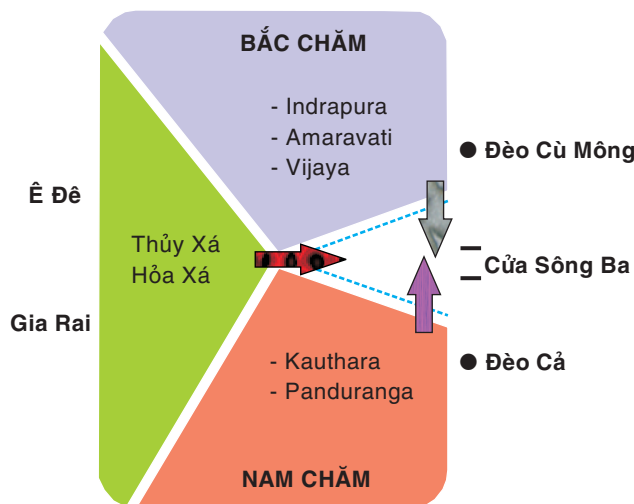
Cho nên, nói đến thị trường trao đổi rộng lớn nối Tây Nguyên với cửa cảng, thông qua nguồn thủy lộ Sông Ba, không thể không tính đến sự chi phối của một lực lượng quan trọng ở vùng thượng nguồn.

Căn cứ trên tính phân cực vừa đề cập ở trên, lưu vực Sông Ba nằm trong vùng đất Phú Yên hôm nay, chính là một giao lộ liên quan đến quyền lợi của 3 thế lực Bắc Chăm - Nam Chăm và Thủy Xá/Hỏa Xá, đó là chưa kể đến những thời kỳ chiếm cứ của người Khmer hay Java.

Sự mạnh lên của một trong ba thế lực ấy có thể tạo nên ảnh hưởng, mang tính khuynh loát trùm lên hai thế lực còn lại trong từng thời kỳ nhất định. Chính vì thế, những di tích liên quan đến Champa của cả trung tâm phía bắc (Indrapura hay Vijaya), lẫn phía nam (Kauthara, Panduranga) đều có cơ hội hiện diện ở vùng đất này.

Tuy nhiên, căn bản thì đây vẫn là một vùng đệm, một lãnh địa, một trung tâm trao đổi cộng sinh của nhiều thế lực, ít ra là trước khi có dấu chân của đoàn quân của Lê Thánh Tông (thế kỷ XV). Ở đây, chúng ta có thể nhận thấy điểm giao lộ quan trọng chính là Củng Sơn, nơi có Thành Hồ và các di tích Chăm thuộc nhiều thời kỳ khác nhau, xuất hiện và phân bố rải rác khắp nơi.

Chúng ta có thể nhận diện yếu tố cộng sinh của nhiều thế lực ở Phú Yên qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 3. Các thế lực chi phối vùng hạ nguồn Sông Ba tại Phú Yên trước thế kỷ XV

Đây cũng là cách lý giải tại sao vùng đất Phú Yên trong sử liệu của Trung Quốc lần bị ký Chăm đều không nhắc đến rõ ràng, ngoại trừ cái tên Hoa Anh Quốc có từ thời nhà Lê; hay Ayaru, Mon-đu/Môn Độc Quốc...⁽⁴⁷⁾ mà một số tác giả đã từng đề cập một cách mù mờ, thiếu tư liệu thuyết phục. Phạm những vùng đất không thống thuộc một vương quốc nào, thì sử liệu thường rất ít nhắc đến hay mô tả những sự kiện cụ thể, mà giới sử gia đương thời thường chú mục đến các vương quốc đang bị thống thuộc hoặc chịu ảnh hưởng.

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông của Đại Việt đem quân chinh phạt Champa, chiếm Vijaya, bắt vua Bàn La Trà Toàn. Biên giới Việt mở rộng đến đèo Cù Mông. “Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bồ Trì Trì chạy đến Phiên Lung (Phan Rang ngày nay) chiếm đất ấy xưng là Chiêm Thành. Bồ Trì lấy được 1/5 đất của nước Chiêm, sai sứ xưng thần, nộp cống được phong vương. Vua lại phong cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm 3 nước để ràng buộc”.⁽⁴⁸⁾ Trong Phủ biên tạp lục, Lê Quý Đôn cũng nhắc đến sự kiện này: “Tháng 2 [năm Hồng Đức thứ 2, 1471] đánh phá Chà Bàn [Vijaya - NHT]. Quân Thuận Hóa bắt sống được Trà Toàn. Tướng nước ấy là Bồ Trì chạy đến Phan Lung (vùng Phan Rang ngày nay) giữ đất ấy xưng vương, chỉ còn được 2/5 đất nước, sai người vào cống. Bèn phong Bồ Trì là Chiêm Thành Vương, lại phong Hoa Anh Vương và Nam Bàn Vương, chia làm 3 nước”.⁽⁴⁹⁾

Số phận của vùng đất đệm (Phú Yên ngày nay), lúc này trở thành trung tâm trao đổi cộng sinh của 3 thế lực:

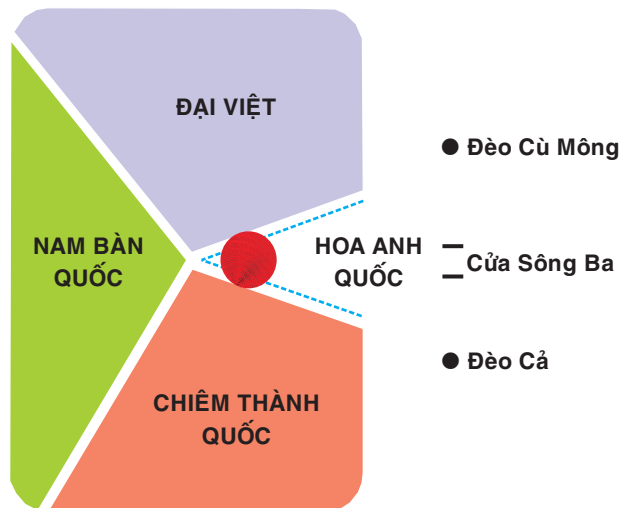
1. Chiêm Thành là thế lực chống đối Đại Việt, tháo chạy vào trung tâm Panduranga và Kauthara;

2. Hoa Anh là nước chịu ảnh hưởng của nhà Lê, nơi quân Đại Việt đã từng chiếm đóng, nhưng, có thể do chưa thuận lợi, Lê Thánh Tông chỉ dừng lại ở đây một lãnh địa phụ thuộc rồi rút về địa giới Cù Mông;

3. Nam Bàn thuộc quyền kiểm soát của những thế lực phía tây (Thủy Xá - Hỏa Xá), chủ yếu là người Gia Rai và Ê Đê: “Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành,

chiếm lấy đất này [Phú Yên] đặt làm huyện Tuy Viễn, lấy núi Thạch Bi làm giới hạn nhưng từ đèo Cù Mông về nam còn thuộc về người Man, người Lạo”.⁽⁵⁰⁾

Như vậy, căn cứ trên sử liệu Đại Việt, chúng ta thấy vùng đất Phú Yên thời Lê Thánh Tông đã được định vị khá rõ nét, mặc dù, sơ đồ phân lập vùng ảnh hưởng trong thời gian ấy đã có những thay đổi đáng kể (Sơ đồ 4).



Sơ đồ 4. Phân lập vùng ảnh hưởng của các thế lực ở hạ nguồn Sông Ba vào thế kỷ XV

Hoa Anh Quốc, ngoài một vài sử liệu nhắc tới như vừa nêu, hầu như không còn một dòng đặc tả chi tiết nào. Vấn đề này, theo chúng tôi có thể xuất phát từ quan niệm đây chỉ là một vùng đệm nằm trong vùng ảnh hưởng của Đại Việt. Điều mà Đại Việt cần giải quyết là Chiêm Thành Quốc ở phía nam. Nhưng, trên thực tế Hoa Anh vẫn là đất đang còn bị chi phối bởi nhiều thế lực phức tạp. Một vùng giao lộ với những sự đan xen về quyền lợi kinh tế của nhiều thế lực, nên nhà Lê cần để nó tồn tại một cách độc lập trên danh nghĩa để tìm kế ổn định lâu dài.

Và sau này, chính Lương Văn Chánh là nhân vật thực hiện một cách linh hoạt và hiệu quả ý đồ này bằng nhiều biện pháp, khi ảnh hưởng của người Việt ở vùng đất này đã được xác lập mạnh mẽ.

Trong một lần trao đổi với chúng tôi, TS Shine (Đại học Tokyo, Nhật Bản) có đưa ra một kiến giải về danh xưng Hoa Anh, mà theo chúng tôi cũng nên tham khảo. Từ Hoa Anh được nhắc đến, có thể là hậu quả của một sự nhầm lẫn tự dạng khá gần nhau của hai danh xưng Hoa Anh [華英] và Trà Lai [茶來] (Trà Lai là tên Hán Việt để gọi người Gia Rai). Cho nên từ Trà Lai gọi nhầm là Hoa Anh là điều mà theo tác giả Shine có thể xảy ra.

Và cũng theo TS Shine, đây là vùng đất thuộc vùng ảnh hưởng mạnh mẽ của người Gia Rai nên vua Đại Việt đặt luôn tên là Trà Lai Quốc (nước của người Gia Rai), sau này có thể vì có sự gần gũi tự dạng như đã nêu, nên, người sau đọc nhầm là Hoa Anh Quốc.⁽⁵¹⁾

Trong thời kỳ tồn tại của nước Hoa Anh, chúng ta thấy ở đây đã tiếp nối và phát triển những hoạt động trên trục thủy lộ Sông Ba cùng nhiều hoạt động khác. Kế thừa những di tích Champa trước đó, nhà cầm quyền cũng như thần dân Hoa Anh đã chấn chỉnh và phát huy tác dụng nhiều di tích quan trọng như Thành Hồ, các cơ sở tín ngưỡng như tháp Đông Tác (Phú Lâm, Tuy Hòa), Phước Tịnh (Núi Bà), tháp Nhạn (Tuy Hòa).⁽⁵²⁾

Sông Ba không chỉ đóng vai trò quan trọng vào đương thời, mà sau khi vùng đất Tuy Hòa thuộc Đại Việt, Thành Hồ trên Sông Ba vẫn có vị trí đáng kể trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội... của cả khu vực.

Với những gì vừa nêu, việc nghiên cứu và khảo sát dọc Sông Ba không đơn thuần chỉ là công việc thống kê những di tích trên phạm vi một tỉnh, mà ở đây, lịch sử đã từng chứng kiến một giao lộ sôi động mang tính liên quốc gia. Một cửa cảng có sự tụ hội của nhiều luồng hải thương từ nhiều quốc gia trong và ngoài khu vực Đông Nam Á.

Cũng từ đặc điểm ấy, bên cạnh văn hóa Việt qua hệ di tích từ thời Lê trở về sau, còn có dấu ấn những cuộc di cư của người Hoa, mối quan hệ đan xen giữa người Việt, Chăm, Hoa, các tộc người Ê Đê, Gia Rai, Ba Na... Đây chính là một bức tranh nhiều màu sắc với những biến điệu vi tế trong quá trình hòa nhập của người Việt. Từ bối cảnh cộng sinh với nhiều thế lực, nhiều tộc người, trong buổi đầu đến với vùng đất này, người Việt đã tìm được cho mình một thế tồn tại bằng từng bước tiệm tiến cần thiết.

Trong một chừng mực nào đó, cái tên Hoa Anh hiện hữu trong lịch sử gần một thế kỷ, đã là một chứng tích phản ánh sự khôn khéo trong chiến lược xuôi Nam của Đại Việt. Dừng lại ở Cù Mông và phong vương cho hai nước Hoa Anh và Nam Bàn, chính là lúc mà Đại Việt cần có thời gian khắc chế và bình ổn một giao lộ liên quan đến quyền lợi của nhiều thế lực. Mà ngay trong tức thời, đoàn quân của Lê Thánh Tông dù bừng bừng khí thế chiến thắng, vẫn chưa thể giải quyết chuyện đất đai và dân tình một cách thuận lợi và bền vững được.

N H T

CHÚ THÍCH

- (1) G. Maspéro. *Le royaume de Champa*, Van Oest, Paris, 1928.
- (2) - B. Bronson. *Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes toward a Functional Model of the Coastal State in Southeast Asia, Economic Exchange and Social Interaction in Southeast Asia: Perspectives from Prehistory, History and Ethnography* [Huttere, Karl L.e], Ann Arbor: Center for South and Southeast Asia Studies. The University of Michigan, 1977.
- R.K. Hall. *Maritime Trade and Early State Development in Southeast Asia*, Honolulu: University of Hawaii Press, 1985.
- O. Wolter. *History Culture and Religion in Southeast Asia*, Singapore: Institute of Southeast Asia Studies, 1982.
- Dougald J. W. O'Reilly: "Chăm được nghĩ đúng nhất không phải là một thể chế chính trị thống nhất mà như là tập hợp các lãnh địa nhỏ hơn cùng chia sẻ các truyền thống văn hóa và ngôn ngữ" (*Early Civilization of Southeast Asia*, Lanham Alta Mira Press, 2007, tr. 127).
- (3) "Quy chế liên bang ở Champa rất gần gũi với quy chế liên bang ở vương quốc Mã Lai hôm nay, hay vương quốc Champa không phải là một quốc gia tập quyền như cơ chế chính trị ở Việt Nam hay Trung Quốc thời trước, nhưng là một quốc gia liên bang. Mỗi tiểu bang thường được hưởng một quyền tự trị khá rộng rãi" ("Phong trào phục hưng Champa vào năm 1693-1694", tạp chí *Champaka* [www.champaka.org/cgi-bin/viewitem]). Nhưng trong bài "Góp phần tìm hiểu lịch sử Champa" (cũng trên tạp chí *Champaka*) Po Dharma lại viết: "*Champa là một quốc gia liên bang. Một tiểu vương quốc có một thể chế chính trị tự trị và có quyền ly khai ra khỏi liên bang Champa để xây dựng lấy một vương quốc độc lập riêng biệt*".
- (4) Đọc thêm: Kenneth Smith, "Eastern North Bahnaric: Cua and Kotua" trong *Mon-Khmer Studies IV, Language Series*, No. 2, Center for Vietnamese Studies and Summer Institute of Linguistics, Saigon, 1973, tr. 39.
- (5) Đọc thêm: D. Thomas và R.K. Headley, "More on Mon-Khmer Subgroupings", trong *Lingua* 25, No. 4, Center for Vietnamese Studies and Summer Institute of Linguistics, Saigon, 1970.
- (6) David Thomas, Sdd, 1973, tr. 39-40.
- (7) Ở Việt Nam những tộc người nói ngôn ngữ Malayo-Polynesie gồm: Chăm, Chăm H'roi, Gia Rai, Ê Đê, Ra Glai, Chu Ru...
- (8) Charles Wheeler. "Re-thinking the Sea in Vietnamese History: Littoral Society in Integration

- of Thuan Quang, Seventeenth-Eighteenth Centuries” trong *Journal of Southeast Asian Studies*, 37.1, Feb, 2006.
- (9) Chẳng hạn, tiểu quốc Amaravati ở vùng Quảng Nam ngày nay được hình thành dựa trên 5 yếu tố sau: 1) Núi thiêng là Mahaparvata (Mỹ Sơn) hay Rừng Mèo; 2) Sông thiêng là Thu Bồn; 3) Cửa biển thiêng là Cửa Đại/Hội An; 4) Thành phố thiêng là Sinhapura/thành sử tử Trà Kiệu; Đất thiêng là Srisanabhadresvara tại Mỹ Sơn [Trần Kỳ Phương (2002), “Góp phần tìm hiểu về nền văn minh của vương quốc cổ Champa tại miền Trung Việt Nam”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Số Khoa học, Công nghệ & Môi trường Thừa Thiên Huế, số 3(37), 2002, tr. 63].
 - (10) Khi hải lộ liên quốc gia chuyển đổi từ eo Kra (vùng trung chuyển xuyên qua đất Xiêm La để đến với Phù Nam) qua eo biển Malacca để đến với các cửa cảng ở miền Trung từ thế kỷ V-VI, các tiểu quốc duyên hải nơi đây mới thực sự trở nên hùng mạnh và phát huy tầm ảnh hưởng của mình trong thống trị, cát cứ hay liên minh.
 - (11) “...chính hoạt động thương mại đã cùng tạo ra liên kết giữa miền núi cũng như đồng bằng giống như các mạng lưới buôn bán quốc tế. Hoạt động buôn bán đường dài đã kết nối giữa các vùng cũng như các cộng đồng dân cư ở miền núi và đồng bằng, với những tác động chính trị và văn hóa quan trọng đối với cả hai khu vực. Điều này thể hiện rất rõ thông qua danh sách những lâm sản (vùng cao) như ngà voi, sừng tê giác, sáp ong, cây lô hội, quế... được xuất ra nước ngoài bởi các nhà nước ở đồng bằng - điều đã được ghi chép trong các báo cáo và thư tịch cổ về Đông Nam Á lục địa. Tương tự như vậy, điều đó cũng được khẳng định thông qua một loạt những sản phẩm uy tín được “nhập khẩu” như công chiêng bằng đồng từ Myanmar và bình lọ từ Trung Quốc với vai trò trong việc biểu thị uy tín về tâm linh và chính trị ở khu vực miền núi trên toàn bộ vùng đất liền và Đông Nam Á hải đảo, trong đó, mặt hàng đặc biệt quan trọng là muối (biển), thực phẩm tối cần thiết để duy trì sự sống ở Cao nguyên...” (Oscar Saleminck, “Một góc nhìn từ vùng cao: phần lịch sử quan trọng về mối quan hệ giữa đồng bằng và miền núi ở Việt Nam” in trong *Thời kỳ mở cửa những chuyển đổi kinh tế-xã hội ở vùng cao Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2008).
 - (12) Gerald C. Hickey. *Sons of the Mountains: Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954*, New Haven: Yale University Press, 1982, tr. 116.
 - (13) Henri Maitre. *Les Jungles Moi* (Rừng người Thượng), bản dịch của Lưu Đình Tuấn, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2008, tr. 42-43.
 - (14) H. Maitre, *Les Jungles Moi*, Sdd, tr. 177.
 - (15) H. Maitre, *Les Jungles Moi*, Sdd, tr. 178.
 - (16) G. Maspéro. “Le Royaume de Champa”, trong *T'oung Pao*, tháng 5, 1910, tr. 172-173.
 - (17) H. Maitre, *Les Jungles Moi*, Sdd, tr. 180.
 - (18) Trường ca/anh hùng ca Tây Nguyên tiêu biểu phần lớn được khai thác và công bố xuất phát từ địa bàn này.
 - (19) “Người Jarai đã vượt qua nhiều thế kỷ và đến với chúng ta ngày nay như là một dòng tộc lớn, văn minh hơn các dòng tộc láng giềng của họ. Các thủ lĩnh phù thủy của họ được gọi là Sadet Lửa, Sadet Nước - tiếng Jarai gọi là Patau Pui và Patau Ia. Chắc chắn là ban đầu các thủ lĩnh đó có quyền lực.... Theo Henri Maitre, chính các bộ lạc Djarais cư trú ở thung lũng thượng nguồn Sông Ba làm chúng ta lưu ý. Họ nói một thứ thổ ngữ nửa Djarai nửa Rhade và được gọi là người Krungs ở vùng Cheo Reo (bây giờ thuộc Phú Yên), người Churs ở phía đông nam xứ người Krungs, người Mdurs ở thung lũng hạ Sông Ba trong vùng M'Drack và Sông Hinh” (A. Laborde. *Tính Phú Yên*, [BAVH, tập XVI, 1929], trong *Những người bạn Cổ đô Huế*, Nxb Thuận Hóa, 2003, tr. 397).
 - (20) Bi ký Champa (Poh Nagar II) ở Kauthara ghi lời vua Yan Po Ku Sri Harivarmandeva có thể giúp chúng ta hình dung sự phân hóa các tiểu vùng/tiểu vương quốc/ mandala thời bấy giờ: “Po Pon Tana Raya (vua tối cao), đã chiến thắng quân thù, kể cả Kamvuja, Yavana; ở miền bắc như Amaravati, miền nam như Panduranga, phía tây như đối với người Randaiy [Ra Glai - NHT], Mada, Mvleccha. Bởi vì đức vua tối cao vui hưởng chiến thắng đã cúng nhiều của cải và hoa lợi cho Yang Po Nagar...”.
- Bi ký Mỹ Sơn XXIV, nói về hoàng thân Ongvatuv chạy về kích động dân các vùng Amaravati, Ulik, Vijaya, Jriy, Traik chống lại vua; trong trường hợp này Amaravati được kể như một trong 5 vùng phía bắc, nhưng, Amaravati thực ra là địa bàn bắc Vijaya.
 - Bia Poh Nagar I ở Kauthara ghi: “Năm 1145 quân Campuchia và quân Vijaya kéo đến giao tranh với ngài (Sri Jaya Harivarmandeva) ở Virapura, ngài đánh thắng và lên ngôi vua”.

- Bia Mỹ Sơn XXIV ghi lại sự kiện một ông vua đối nghịch “đem quân tiến đánh Vijaya, thắng lợi rồi trị vì trên nước Vijaya [Nagara Vijaya] (Lương Ninh, *Vương quốc Champa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr. 172-174).
- (21) Ngô Văn Doanh. *Văn hóa cổ Champa*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2004, tr. 63.
- (22) G. Maspero. *Le Royaume de Champa*, Paris et Bruxelles, 1928.
- (23) L. Finot. “Notes d'épigraphie. V. Panduranga”, trong *BEFEO*, tập III, 1903, tr. 645.
- (24) L. Finot. “Notes d'épigraphie. IX. Les Inscriptions de Mỹ Sơn”, trong *BEFEO*, tập IV, 1904, tr. 940.
- (25) Ngô Văn Doanh, *Văn hóa cổ Champa*, Sdd, tr. 74.
- (26) Renee Hagesteign. *Circles of Kings, Political Dynamics in Early Continental Southeast Asia*, Foric Publications - Dordrecht - Holland/Providence, 1989, USA.
- (27) J.C. Heesterman. “Power and Authority in Indian Tradition” in R. J. More: *Tradition and Politics in South Asia*, New Delhi/Vikas, 1979, tr. 77.
- (28) Mạc Đường. “Các thời kỳ lịch sử của văn hóa Champa”, trong *Vấn đề văn hóa dân tộc Chăm*, TP Hồ Chí Minh, Viện Đào tạo mở rộng, tháng 12, 1992, tr. 31.
- (29) Mah Mod. “Đặc điểm gia đình, thân tộc và xã hội của đồng bào Chăm”, trong *Những vấn đề về dân tộc học ở miền Nam Việt Nam*, TP Hồ Chí Minh, Ủy ban KHXHVN - Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh, 1978.
- (30) Nguyễn Văn Luận. *Người Chăm Hồi giáo ở miền Tây Nam phần Việt Nam*, Sài Gòn: Tủ sách biên khảo Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh Niên, 1994, tr. 25.
- (31) G. Coëdes. “Inventaire des Inscriptions du Champa et du Cambodge”, trong *BEFEO*, tập VII, bìa ký hiệu C. 90.
- (32) J. Boisselier. *La statue du Champa*, Paris, 1963, tr. 61.
- (33) L. Finot. “Les inscriptions de Quang Nam” trong *BEFEO*, tập IV, 1-2, 1904.
Hiện nay dòng họ có tên là Pinăng (Thị tộc Cau) còn sót lại ở người Ra Glai cận cư và cùng ngữ hệ với người Chăm vẫn tiếp tục cư trú trên địa bàn phía tây Khánh Hòa và 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận nằm trong lãnh địa Nam Chăm cũ (Kauthara và Panduranga) [NHT].
- (34) Mah Mod, 1978, Tlđđ, tr. 52.
- (35) Mah Mod, 1978, Tlđđ, tr. 53.
- (36) Ngô Văn Doanh, “Thành Hồ và nước Hoa Anh”, trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Di sản văn hóa Nam Trung Bộ với sự phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, Tuy Hòa, 2/4/2011.
- (37) J. Boisselier. *La Statue du Champa*, Paris: Ecole Française d'Extrême-Orient, 1963, tr. 28.
- (38) H. Maitre. “Notes sur la tour Chame du Nam Lien”, trong *BEFEO*, No VI - 3, 1906, tr. 342-344.
- (39) H. Parmentier. *Inventaire descriptif des monuments Cham de L'Annam* (2 vol, vol 1, Paris: Imprimerie National), 1909, tr. 194.
- (40) J. Boisselier, Tlđđ, tr. 340.
- (41) H. Parmentier, Tlđđ, tr. 344-345.
- (42), (43) “Chronique”, 1919, in *BEFEO*, No. 3.
- (44) J.Y. Clayes. *Inspections et reconnaissances en Annam*, *France Asie* 24, 1928, No. 2, tr. 6.
- (45) Jacques Dournes. *Recherches sur le haut Champa*, *France Asie* 24, No. 2, 1970, tr.144.
- (46) Jacques Dournes, Tlđđ, tr. 156-157.
- (47) - Trần Quốc Vương “Phú Yên trong thời kỳ Chăm-Pa thuộc tiểu quốc Mon-đu (Môn Độc Quốc)” trong *Nam Trung Bộ dưới cái nhìn địa văn hóa dân gian*, Hà Nội, Nxb KHXH, 2005, tr. 23.
- “Phú Yên nằm trong lãnh thổ Chăm-Pa, giữa hai xứ lớn là Vijaya (Chà Bàn, Bình Định) và Kauthara (Nha Trang, Khánh Hòa)”, [Lê Ngô Cát, Phạm Đình Toái: *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Sài Gòn, Nxb Trường thi, 1956]. (Trích từ lời tựa và dẫn của Hoàng Xuân Hãn, tr. 152: 3 - chú giải). Tác giả trích lại từ báo cáo tham luận của Nguyễn Thị Hòa: “Vài tư liệu và quan điểm về vùng đất Hoa Anh trong lịch sử”, trong Hội thảo *Dự án khảo sát điều tra hệ thống di sản văn hóa lưu vực Sông Ba*, TP HCM, ngày 12/11/2011, trang 2 trong tham luận.
- Phú Yên là tiểu quốc Ayaru (Nguyễn Văn Huy, 2003, “Tìm hiểu cộng đồng Chăm tại Việt Nam”, *Thông luận*, Paris, 2003-2004). Dẫn lại từ Trần Sỹ Huệ, *Phú Yên thời khẩn hoang lập làng*, TP HCM, Nxb Nông nghiệp, 2007, tr. 34.
- “Nước Nam Bàn thì đại khái là miền châu Thượng nguyên trước kia, tức miền Tây nguyên ngày nay. Nước Hoa Anh có lẽ là miền Phú Yên. Chúng tôi đoán là từ đất Cù Mông đến Đại Lãnh” (Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Hà Nội, Nxb Văn hóa, 1964, tr. 180).
- Hoa Anh ở phía nam núi Đá Bia (Lê Thành Khôi), tài liệu dẫn từ Nguyễn Quốc Lộc-Vũ Thị Việt, *Các dân tộc thiểu số ở Phú Yên*, Sở VH TT tỉnh Phú Yên, 1990, tr. 35.

- Hoa Anh là vùng đất Phú Yên ngày nay (Nguyễn Quốc Lộc-Vũ Thị Việt, Sdd, tr. 35).
- “*Vua Lê Thánh Tông sau khi chiếm Phật thành, đẩy quân Chiêm vào Nam đèo Cả, đã lập nước “đem” là Hoa Anh và Nam Bàn trên vùng đất ven biển miền Trung và vùng cao Phú Yên*”, Lương Ninh [chủ biên], *Lịch sử Việt Nam giản yếu*, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia, 2000, tr. 183.
- “*Địa bàn Hoa Anh chính là tỉnh Quảng Ngãi ngày nay*”, Nguyễn Thị Hòa, “Vài tư liệu và quan điểm về vùng đất Hoa Anh trong lịch sử”, Tlđd, tr. 4.
- G. Maspero. *Le Royaume de Champa* (Paris and Brussels, G. Van Oest) dẫn từ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên* cho rằng: “Thánh Tông chia đất mới chiếm làm thành ba quận: Chiêm Thành hay Đại Chiêm, Hoa Anh và Nam Phan, mà ba tháng sau, ông đổi thành các phủ Thăng, Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn, gộp thành một đạo Quảng Nam.” (Bản dịch của Lê Tự Lành, tr. 405).
- (48) Ngô Sĩ Liên. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Hà Nội, Nxb KHXH, 1968, tr. 158.
- (49) *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập I, Hà Nội, Nxb KHXH, 1977, tr. 42-43.
- (50) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí*, tập III, Huế, Nxb Thuận Hóa, 1996, tr. 64.
- (51) Đây chỉ là một giả thiết mang tính tham khảo, không ảnh hưởng gì đến lập luận mà bài viết này đang đưa ra.
- (52) Thành Hồ có thể được xây dựng và tồn tại cùng với ngôi tháp Núi Bà, tháp Nhạn, tháp Đông Tác (khoảng thế kỷ XV-XVI) [Ngô Văn Doanh, 2011, Tlđd, tr. 201].

TÓM TẮT

Sông Ba là hệ thống thủy lộ huyết mạch ở vùng Nam Trung Bộ Việt Nam. Trong lịch sử, vùng hạ nguồn Sông Ba (tỉnh Phú Yên ngày nay) từng là địa bàn tranh giành quyền lực giữa các tiểu quốc, bộ tộc sinh sống dọc theo lưu vực sông và cả những vùng lân cận để làm chủ hệ thống thủy lộ quan trọng nối liền vùng Nam Trung Bộ và cả Tây Nguyên với thế giới bên ngoài qua cửa biển Đà Diễn. Khởi đầu là sự tranh chấp giữa người Chăm và các tộc người khác như Gia Rai, Ê Đê, Ba Na... mà kết quả là người Chăm làm chủ được khu vực hạ nguồn, đẩy các bộ tộc khác xa dần lên phía thượng nguồn. Đến khi vương quốc Champa được thành lập, Sông Ba trở thành vùng đệm trong quá trình diễn ra hiện tượng lưỡng phân của vương quốc này (Lưỡng phân cương vực: Bắc Chăm - Nam Chăm; Lưỡng phân thị tộc: thị tộc Cau - thị tộc Dừa; Lưỡng phân dòng dõi: tổ tiên dòng Núi - tổ tiên dòng Biển). Sang thế kỷ XV, với sự xuất hiện của Đại Việt, khu vực hạ nguồn Sông Ba là địa bàn cộng sinh của 3 thế lực: Chiêm Thành Quốc - Nam Bàn Quốc - Hoa Anh Quốc. Sau khi chúa Nguyễn bình định được vùng đất này, Phú Yên mới chính thức sáp nhập vào Đại Việt.

So với sông Thu Bồn và cảng thị Hội An ở phía bắc, Sông Ba đối với khu vực Nam Trung Bộ đóng vai trò quan trọng không kém mà nếu nghiên cứu đầy đủ, chúng ta có thể lần tìm và nhận diện nhiều vấn đề liên quan đến lịch sử, kinh tế, văn hóa của cả miền Trung và Tây Nguyên.

ABSTRACT

BA RIVER: THE SPECIFIC INTERCHANGE OF POLITICS, ECONOMY AND CULTURE IN HISTORY

Ba River is an important waterway system in the Southern Central region of Vietnam. Historically, the lower reaches of Ba River (present Phú Yên Province) was the area of power struggles among minor states and tribes living along the river basin and the surrounding areas for the control of that important waterway system linking the South Central region and the Western Highlands with the outside world through Đà Diễn Estuary. Originally, the disputes broke out between the Cham people and other ethnic groups such as the Jarai, the Rhade, the Bahnar, etc... and, in the end, the Cham controlled the lower reaches of Ba River and drove other tribes to the upper course. When the Champa kingdom was founded, Ba River became the buffer zone during the process of dichotomy of that kingdom (territorial dichotomy: Northern Champa-Southern Champa; dichotomy between clans: Areca clan-Coconut clan; dichotomy of lineages: ancestors coming from mountains-ancestors coming from the seas). In the fifteenth century, with the appearance of Đại Việt, a Vietnamese dynasty, the Ba River basin became the territories of 3 minor states of Champa, Nam Bàn and Hoa Anh. After that land was pacified by the Nguyễn Lords, Phú Yên was officially merged into Đại Việt.

The role of Ba River in the South Central region was no less important than Thu Bồn River and Hội An Seaport in the north, which we can track out and identify issues relating to the history, economy and culture of the Southern Central region and the Western Highlands if adequate studies are carried out.